

Bản án số: 31/2017/HSST

Ngày: 28/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh Thiện – Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2. Ông Nguyễn Xuân Thành – Phó Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Trãi, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký TAND thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2017/HSST ngày 25/8/2017 đối với các bị cáo:

Đỗ Anh T; tên gọi khác là T Lác; sinh năm 1997 tại T1, B; trú tại: Thôn T2, xã B1, huyện T1, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; văn hóa 9/12; con ông Đỗ V và bà Đào Thị Yên P; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: 03 tiền sự; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đỗ Anh T: Bà Đào Thị Yên P, sinh năm 1974; trú tại: Thôn T2, xã B1, huyện T1, tỉnh B, là mẹ đẻ của bị cáo (có mặt).

- Người bào chữa: Nguyễn Thành Y – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai (có mặt).

- Người bị hại:

1. Tạ Khắc Q, sinh năm 1983; hiện cư trú tại: Tiểu đoàn 17, Sư đoàn 2, Quân khu 5 - xã A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai (vắng mặt);

2. Ngô Quốc P, sinh năm 1988; hiện cư trú tại: Thôn T3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai (vắng mặt);

3. Đinh L, sinh năm 1983; hiện cư trú tại: Làng 8, xã V1, huyện V, tỉnh B (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Thị Tuyết D, sinh năm 1977; hiện cư trú tại: Thôn A3, xã A2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

2. Cao Thanh C, sinh năm 1985; hiện cư trú tại: Tổ 15, phường A3, thị xã A, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; hiện cư trú tại: Khu vực 1, phường N, Tp.Q, tỉnh B (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Đỗ Anh T nhập ngũ ngày 23/02/2016 biên chế tại Đại đội 1, Tiểu đoàn Công binh 17, Sư đoàn Bộ binh 2, Quân khu 5. Trong thời gian từ tháng 02 đến tháng 3 năm 2017 T nhiều lần vi phạm Điều lệnh quản lý Bộ đội nên đã 03 lần xử lý kỷ luật, trong đó có 02 lần bị cảnh cáo, và 01 lần giáng cấp bậc quân hàm.

Khoảng 03 giờ ngày 18/3/2017, T bỏ trốn khỏi đơn vị để về nhà ở thôn T2, xã B1, huyện T1, B. T đi bộ từ khu doanh trại của Đại đội 1, khi qua nhà chỉ huy Tiểu đoàn 17, thấy xe mô tô 81B1-475.62, nhãn hiệu Honda, loại Dream của anh Tạ Khắc Q để ở sân, chìa khóa gắn ở ổ khóa điện. T nảy sinh ý định lấy xe mô tô 81B1-475.62 để làm phương tiện về nhà. Quan sát không thấy ai, T dắt xe 81B1-475.62 đến cổng Tiểu đoàn 17 rồi nổ máy xe đi khỏi khu vực doanh trại. T điều khiển xe ra đường Quốc lộ 19 về hướng B. Khi đến thôn T4, xã S, thị xã A, Gia Lai thì xe hết xăng, T dắt bộ vào cây xăng Nguyễn Huệ để đổ xăng. Lúc này, T thấy xe mô tô 81N2-0740, nhãn hiệu Yamhaha, loại Sirius là xe của anh Ngô Quốc P dựng trước cây xăng, chìa khóa gắn ở ổ khóa điện. Thấy anh P đang ngủ nên T bỏ xe 81B1-475.62 lại, dắt xe mô tô 81N2-0740 ra Quốc lộ 19 nổ máy điều khiển về hướng B.

Khi xuống hết đèo A, T điều khiển xe rẽ trái vào huyện V, B. Khoảng 05 giờ 30 Pt cùng ngày, T điều khiển xe đến Làng 8, xã V1, huyện V, tỉnh B thì xe 81N2-0740 hết xăng. T nhìn thấy xe 77X8-9930, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius của anh Đinh L đang dựng ở sân, chìa khóa gắn trên ổ khóa điện nên T bỏ xe 81N2-0740 lại và lên xe 77X8-9930 nổ máy điều khiển thì bị anh Loan phát hiện đuổi theo bắt giữ và giao cho công an huyện V.

Tại kết luận định giá số 21/KLĐGTS ngày 04/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thị xã A, tỉnh Gia Lai xác định: Giá trị sử dụng còn lại của xe mô tô 81B1-475.62 là 8.000.000đ; giá trị sử dụng còn lại của xe 81N2-0740 là 6.338.000đ. Tại kết luận định giá số 03/KLĐGTS ngày 07/4/2017 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự huyện V, tỉnh B xác định: Giá trị sử dụng còn lại của xe mô tô 77X8-9930 là 8.978.000đ.

Do T là quân nhân tại ngũ nên Công an huyện V chuyển hồ sơ cho Sư đoàn bộ binh 2, Quân khu 5. Ngày 29/3/2017, Sư đoàn bộ binh 2 chuyển hồ sơ vụ việc cho Cơ quan điều tra hình sự khu vực 5, Quân khu 5 xử lý theo thẩm quyền. Quá trình điều tra xác minh, nhận thấy Đỗ Anh T có những biểu hiện không bình thường nên Cơ quan điều tra hình sự khu vực 5 đã trưng cầu giám định tình trạng tâm thần của Đỗ Anh T.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 28/KLGĐTC ngày 27/4/2017 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây nguyên kết luận: Tại thời điểm vi phạm kỷ luật và hiện tại Đỗ Anh T hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Ngày 06/5/2017, Sư đoàn bộ binh 2, Quân khu 5 Quyết định cho T xuất ngũ trước thời hạn do không đủ sức khỏe phục vụ trong quân đội.

Ngày 29/5/2017, Cơ quan điều tra hình sự khu vực 5 chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 24/7/2017, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại ba xe mô tô nói trên cho các chủ sở hữu, họ nhận lại tài sản và không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 30/CTr-VKS ngày 22/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Đỗ Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm h, n, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình Sự; xử phạt tù 04 tháng đến 05 tháng tù đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Trên cơ sở kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Do vậy việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại là thuộc trường hợp phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và những người bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm p, n, g khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, bị cáo vào thời điểm vi phạm kỷ luật tại quân đội bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo hiện đã xuất ngũ do vậy không có cơ sở để cho rằng bị cáo đang có tiền sự. Mặt khác bị cáo bị bệnh và cần có thời gian điều trị, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xác định về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và xử phạt mức án 03 tháng tù đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 18/3/2017, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của các chủ sở hữu, bị cáo Đỗ Anh T đã 03 lần lén lút chiếm đoạt 03 xe mô tô của các chủ sở hữu trên địa bàn thị xã A, tỉnh Gia Lai và huyện V, tỉnh B làm phương tiện để đi về nhà

tại xã B1, huyện T1, tỉnh B. Ba xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt gồm xe 81B1-475.62 của anh Tạ Khắc Q, trị giá 8.000.000đ, xe 81N2-0740 của anh Ngô Quốc P, trị giá 6.338.000đ và xe 77X8-9930 của anh Đinh L, trị giá 8.978.000đ. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 23.316.000đ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Do vậy việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ba lần, giá trị tài sản chiếm đoạt của từng lần đều trên 2.000.000đ nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội nhiều lần*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào và không thuộc trường hợp không được coi là phạm tội lần đầu theo hướng dẫn tại tiểu mục 4 Mục I văn bản số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” cho bị cáo. Mặt khác bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; những người bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ hình sự quy định tại điểm h, n, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp và đã lấy tài sản của người bị hại, hậu quả vật chất do hành vi phạm tội của bị cáo đã xảy ra nên không thuộc trường hợp “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” . Do vậy người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

Người bào chữa cho rằng về nhân thân bị cáo chưa có tiền sự, tuy nhiên người có tiền sự được xác định là người đã bị xử phạt hành chính chưa hết thời gian để được coi là chưa bị xử lý mà tiếp tục vi phạm. Tại tiểu mục 1 Mục I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 hướng dẫn bị coi là đã xử phạt vi phạm hành chính chưa hết thời gian để được coi là chưa bị xử lý mà tiếp tục vi phạm bao gồm người đã bị xử lý kỷ luật theo đúng quy định của Điều lệnh, Điều lệ của lực lượng vũ trang nhân dân chưa hết thời hạn do Điều lệnh, Điều lệ quy định mà lại vi phạm. Bị cáo vi phạm Điều lệnh quản lý Bộ đội bị xử lý kỷ luật 03 lần vào các ngày 15/02/2017, 22/02/2017 và 17/3/2017, đến ngày 18/3/2017, chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử lý kỷ luật, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên thuộc trường hợp có tiền sự. Do vậy nhận định của người bào chữa về việc về nhân thân bị cáo chưa có tiền sự là không có cơ sở chấp nhận mà cần xác định về nhân thân bị cáo có 03 tiền sự.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội để có thời gian cải tạo giáo dục đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng và có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, do vậy cần áp dụng quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đều đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm h, n, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Anh T **03 (ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi thành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đỗ Anh T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2017) bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với những người vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Thảo